

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LT
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST

Ngày 06-9-2023

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LT, TỈNH VĨNH PHÚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Kim Thị Ánh Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành

Ông Đỗ Ngọc Thịnh

- **Thư ký phiên toà:** Ông Trần Mạnh Tuấn- Thư ký Toà án nhân dân
huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT tham gia phiên toà:** Bà
Diệp Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện LT, tỉnh
Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2023/TLST-HNGĐ
ngày 20 tháng 6 năm 2023 về: Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 80/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm
2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Thôn H, xã
Đ, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn T, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn X, xã Đ,
huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 16/6/2023 và các lời khai tiếp theo, nguyên
đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị kết hôn với anh Phạm Văn T ngày 21/7/2015, trước khi cưới được tự
do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau
khi cưới chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh T. Quá trình vợ chồng
chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên
nhân do anh T chơi bời, không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến vợ con nên

vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Tháng 6/2020 chị bỏ về bố mẹ đẻ ở và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, quá trình sống ly thân vợ chồng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Phạm Anh T1, sinh ngày 20/4/2016. Cháu T1 chậm phát triển, đến nay vẫn nói chưa rõ và chưa biết viết và cháu đang ở với chị. Ly hôn Chị M đề nghị được nuôi cháu T1, chị không yêu cầu anh T phải đóng góp nuôi con chung

Về tài chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Phạm Văn T đến Tòa án làm việc, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Chị M.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật, quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M, cho Chị M được ly hôn anh T; đề nghị giao cho Chị M trực tiếp nuôi cháu Phạm Anh T1, sinh ngày 20/4/2016, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị M; tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: không yêu cầu nên không đề nghị xem xét; án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con; bị đơn anh Phạm Văn T có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện LT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn là anh Phạm Văn T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải nhưng anh T

không đến Tòa án. Tại phiên tòa, anh T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên căn cứ khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của Chị M và anh T là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa Chị M và anh T là do anh T chơi bời, không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị M và anh T đã sống ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay và anh chị không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn anh T. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ để xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, kết quả xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị M và anh T có xảy ra mâu thuẫn còn nguyên nhân cụ thể địa phương không nắm được, từ năm 2020 đến nay Chị M đã về nhà bố mẹ đẻ ở và không sống cùng gia đình anh T; Tòa án tiến hành lấy lời khai của Hoàng Thị O là mẹ của anh T, bà O cho biết anh chị có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về việc làm ăn kinh tế để nuôi dạy con. Năm 2020 Chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh T có đến đón nhưng Chị M không về, anh chị đã sống ly thông từ năm 2020 đến nay. Hiện nay anh T đi làm ăn xa, gia đình bà có nhận được các văn bản, thông báo, giấy triệu tập của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết, tuy nhiên anh T không đến Tòa án làm việc, anh T có nói chuyện với bà là đồng ý ly hôn với Chị M và anh có nguyện vọng được nuôi cháu Thu; Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để anh T đến Tòa án làm việc và tham gia phiên họp hòa giải, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do; điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa Chị M và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị M đề nghị được ly hôn anh T là phù hợp.

[4] Về con chung: Vợ chồng Chị M, anh T có 01 con chung là cháu Phạm Anh T1, sinh ngày 20/4/2016. Hiện nay cháu T1 đang ở cùng Chị M, Ly hôn Chị M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay Chị M đang làm công nhân ở khu Công nghiệp K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, thu nhập 8.000.000đ/tháng.

Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên, anh T không đến Tòa án để làm việc, để thể hiện quan điểm của anh về con chung cũng như

chứng minh điều kiện nuôi con của anh, nên việc giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là không đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên; nguyện vọng nuôi con của Chị M là chính đáng, Chị M có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định đảm bảo đủ điều kiện nuôi con; cháu T1 là nữ giới, còn nhỏ tuổi nên cần giao cháu Thư cho Chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp; do Chị M không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Anh T1, sinh ngày 20/4/2016; anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị M và có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006715 ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; Chị M đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện LT;
- Chi cục THADS huyện LT;
- UBND xã Đ, huyện LT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Kim Thị Ánh Vân

